TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tô Đông Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Phương

2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1977, địa chỉ: 152/54/40 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đái Văn Ph, sinh năm 1965, địa chỉ: 152/54/40 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, các bản tự khai và biên bản hòa giải, bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày như sau:

Bà và ông Ph tự nguyện chung sống vào năm 1997 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/1997. Vợ chồng có 02 con chung tên Đái Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/6/1997 và Đái Nguyễn Thành L, sinh ngày 05/6/2004. Trong quá trình chung sống, bà và ông Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống cả về kinh tế và tình cảm, ông Ph không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần xúc phạm bà. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, ông Ph vẫn chứng nào tật nấy, hay xúc phạm bà, cuộc sống hôn nhân không đạt

được, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với ông Đái Văn Ph.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đái Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/6/1997 và Đái Nguyễn Thành L, sinh ngày 05/6/2004 (Tất cả đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đái Văn Ph đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán tiến hành giao Thông báo Thụ lý vụ án cho bị đơn và ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử không đúng thời hạn quy định tại Điều 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Đái Văn Ph chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ph và ông Ph cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2.Về việc xét xử vắng

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Đái Văn Ph nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét

xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Đái Văn Ph là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3.Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống giữa bà Th và ông Ph phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế, ông Ph không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Mọi phi phí trong gia đình do bà Th lo lắng, ông Ph không hỗ trợ vợ về kinh tế. Bà Th đã nhiều lần nói chuyên để mong ông Ph thay đổi chăm lo làm ăn nhưng ông ph vẫn không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông Phlà có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thúy.

b) Về con chung: Có 02 con chung tên Đái Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/6/1997 và Đái Nguyễn Thành L, sinh ngày 05/6/2004 (Tất cả đã trưởng thành).

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với ông Đái Văn Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/1997 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Đái Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/6/1997 và Đái Nguyễn Thành L, sinh ngày 05/6/2004 (Tất cả đã trưởng thành).

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020375 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Thúy đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, Quận 11, TP.HCM (để ghi chú vào sổ hộ tịch - Thông tin về Giấy CNKH số 89 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/1997);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tô Đông Đức